

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2025.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Bùi Thị Thúy;

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 206/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh ngày 14/11/1982;

ĐKKHKT: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng.

Hiện nay đang ở Đài Loan; Căn cước công dân số: 03018201xxxx.

Bị đơn: Anh Vũ Xuân T, sinh ngày 27/10/1980;

ĐKKHKT và cư trú: Thôn B, xã Đ, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03008000xxxx.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị S, sinh ngày 01/01/1947; ĐKKHKT và cư trú: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng. Căn cước công dân số: 03314700xxxxx.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (chị V) để giao, nhận văn bản tố tụng: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995; ĐKKHKT và cư trú: Thôn R, xã B, tỉnh Quảng Trị.

Tại phiên tòa vắng mặt chị V, anh T, bà S và anh H (đều xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Vũ Xuân T, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền vào năm 2009. Sau khi cưới vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không tốt lên. Vì cuộc sống gia đình chị phải đi Đài Loan làm kinh tế. Năm 2023 chị về Việt nam nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được nên chị quay lại Đài Loan làm việc cho đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng, chị không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thiên B, sinh ngày 06/7/2010. Hiện nay cháu B đang sống cùng bà ngoại (bà Trần Thị S). Sau ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian ở nước ngoài, chị nhờ bà S chăm sóc cháu B. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ và nghĩa vụ tài chính khác.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao (căn cước công dân của chị V, giấy khai sinh cháu B).

Tại bản tự khai, anh Vũ Xuân T xác nhận về điều kiện kết hôn như chị V trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau; sau đó anh biết chị V đi Đài Loan. Anh xác định cũng không còn tình cảm với chị V và đồng ý ly hôn. Về con chung, anh và chị V có 1 con chung là Nguyễn Thiên B. Do khi sinh cháu B vợ chồng đang sống ly thân nên chị V đã khai sinh con chung mang theo họ mẹ. Nay ly hôn, chị V muốn nuôi con đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi anh và chị V có thoả thuận khác và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng, anh cũng đồng ý. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức gì đối với bố mẹ hai bên.

Tại văn bản ý kiến trình bày của cháu Nguyễn Thiên B (bà S chứng kiến), cháu B có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ.

Lời khai ngày 13/10/2025, bà Trần Thị S (mẹ đẻ chị V) trình bày: Cuộc hôn nhân giữa chị V và anh T ngay từ đầu đã không có hạnh phúc, xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm. Khi chị V đi Đài Loan đã gửi cháu B ở lại

nờ bà chăm sóc, hàng tháng chị gửi tiền chăm sóc nuôi dưỡng con. Bà tự nguyện không yêu cầu anh T, chị V phải trả tiền công sức chăm sóc nuôi dạy cháu B từ khi chị V đi Đài Loan đến nay. Nếu toà cho anh T, chị V ly hôn thì nên giao cháu B cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, bà nhận lời và cam kết sẽ hỗ trợ giúp chị V chăm sóc cháu B trong thời gian chị V chưa về nước. Bà không yêu cầu chị V trả tiền công sức nuôi cháu B trong thời gian chị V chưa về nước. Chị V, anh T không vay nợ bà.

Lời khai anh Nguyễn Văn H (đại diện theo uỷ quyền để giao, nhận văn bản tố tụng cho chị V xác nhận: anh đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định xét xử của Tòa án cho chị V thông qua zalo. Chị V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày trong đơn xin ly hôn, bản tự khai.

Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo uỷ quyền giao, nhận văn bản tố tụng cho nguyên đơn đều xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXXST- TAND Khu vực 11:

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Vũ Xuân T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thiên B, sinh ngày 06/7/2010 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị V không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung, chị V không được phép ngăn cản. Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của bà S về việc chăm sóc cháu B trong thời gian chị V ở nước ngoài và tự nguyện không yêu cầu chị V trả tiền công sức.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị V hiện đang lao động tại Đài Loan có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng giải quyết ly hôn anh Vũ Xuân T có nơi cư trú tại thôn B, xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng, đây là tranh chấp phát sinh trong hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 38; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11- Hải Phòng.

Người tham gia tố tụng: nguyên đơn (chị V); bị đơn (anh T); người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà S) và anh H là người đại diện theo uỷ quyền giao, nhận tài liệu cho nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều xin vắng mặt tại phiên toà; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Vũ Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kỳ Sơn, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đại Sơn, thành phố Hải Phòng) vào ngày 02/10/2009, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị V, anh T chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng do anh chị không còn thiện chí tiếp tục sống cùng nhau nên đã sống ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, điều đó thể hiện anh chị không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Nay chị V xin ly hôn, anh T đồng ý; Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân của chị V, anh T không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của chị V là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan hệ con chung: Chị V và anh T có một con chung là Nguyễn Thiên B, sinh ngày 06/7/2010; chị V đề nghị sau ly hôn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu B và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con; anh T đồng ý. Xét thấy sự thống nhất về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của anh chị đã rõ ràng, đảm bảo về mọi mặt cho con chung và phù hợp với nguyện vọng của cháu B; phù hợp với quy định tại Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc bà S (mẹ đẻ của chị V) nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng cháu B trong thời gian chị V đang ở nước ngoài và không yêu cầu trả công sức là hoàn toàn tự nguyện; Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị V và anh T đều không yêu cầu, Hội đồng xét xử không phải giải quyết;

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn (chị V) được chấp nhận, chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 3 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của UBTVQH quy định về thẩm quyền theo lãnh thổ khu vực; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 5 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V;

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Vũ Xuân T.

2. Về quan hệ con chung: Sau ly hôn, giao con chung Nguyễn Thiên B, sinh ngày 06/7/2010 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi) hoặc khi chị V, anh T có thoả thuận, yêu cầu khác. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị V.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị S về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thiên B, sinh ngày 06/7/2010 trong thời gian chị Nguyễn Thị V ở nước ngoài và không yêu cầu chị V phải trả tiền công sức nuôi con.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0003541 ngày 10/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hải Phòng. Chị V đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, bà S đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị V cư trú tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 11- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND xã Đại Sơn ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ toà phiên tòa
(Đã ký)